

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2020/DS-ST**  
Ngày 14-5-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Huỳnh Hữu Đoàn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Trần Thị T, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:**

1. Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1980 (có mặt).

2. Bà Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1987 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Trần Thị T trình bày:*

Vào ngày 19/10/2018 âm lịch, bà có bán cho vợ chồng ông Nguyễn Tấn P và bà Nguyễn Mỹ H một chiếc ghe biển và một giàn lưới với thỏa thuận là giá chiếc ghe 50.000.000 đồng, giàn lưới 20.000.000 đồng, tổng cộng là 70.000.000 đồng. Do giàn lưới bị mất nên bà không tính tiền lưới, chỉ tính tiền chiếc ghe. Khi ra ghe, ông P, bà H không có lưới đi biển nên bà có lấy hai khúc lưới của con bà, một khúc 30 kg và một khúc 25 kg cho mượn để đánh hai con trăn rồi trả lại cho bà. Sau khi đánh bắt hai con trăn xong, ông P không trả lại cho bà mà thỏa thuận

mua lại số lưới trên với giá là 5.000.000 đồng. Như vậy tổng cộng ông P, bà H thiếu bà số tiền mua chiếc ghe là 50.000.000 đồng, tiền lưới là 5.000.000 đồng, tổng cộng là 55.000.000 đồng. Tại buổi hòa giải ở xã hai bên đã thỏa thuận mỗi tháng trả 5.000.000 đồng, vợ chồng ông P, bà H đã trả được 04 tháng là 20.000.000 đồng nhưng từ tháng 12/2019 âm lịch đến nay thì không trả nữa. Bà đã nhiều lần yêu cầu ông P, bà H trả số tiền còn thiếu là 35.000.000 đồng nhưng ông P, bà H hứa hẹn, cố tình né tránh mặc dù có khả năng trả nợ. Do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Tấn P và bà Nguyễn Mỹ H phải trả cho bà số tiền mua ghe và lưới còn thiếu là 35.000.000 đồng. Bà không đồng ý đề nghị của ông P, bà H về việc mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền còn thiếu. Bà yêu cầu ông P, bà H trả trước một lần 20.000.000 đồng, sau đó mới trả theo thỏa thuận là mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền còn thiếu.

*Tại phiên hòa giải ngày 19/3/2020 và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Mỹ H trình bày:*

Bà thống nhất nội dung sự việc như lời trình bày của bà T. Bà xác định hiện nay bà và chồng là ông Nguyễn Tấn P còn thiếu bà T 35.000.000 đồng và đồng ý trả. Tuy nhiên do điều kiện khó khăn nên vợ chồng bà không có khả năng trả mỗi tháng 5.000.000 đồng theo yêu cầu của bà T mà chỉ có thể trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền còn thiếu.

*Tại phiên hòa giải ngày 19/3/2020 và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Tấn P trình bày:*

Ông thống nhất nội dung sự việc như lời trình bày của bà T. Ông xác định hiện nay vợ chồng ông còn nợ bà T 35.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà T số tiền trên. Tuy nhiên do hoàn cảnh gia đình ông hiện nay rất khó khăn, nợ nần nhiều chỗ nên mỗi chỗ trả một ít, ông chỉ đồng ý trả cho bà T mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền còn thiếu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T thấy rằng:

Bà T yêu cầu ông P, bà H thanh toán số tiền còn thiếu trong quá trình giao dịch mua bán ghe và lưới là 35.000.000 đồng. Tại phiên hòa giải ngày 19/3/2020 và tại phiên tòa, bà T với ông P, bà H đã trình bày thống nhất về quá trình giao dịch mua bán và số tiền mà ông P, bà H còn thiếu bà T. Ông P, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên phải có trách nhiệm trả lại cho bà T số tiền còn thiếu. Do đó Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà T.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội, ông P, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với số tiền theo yêu cầu của bà T được Tòa án chấp nhận cụ thể: 35.000.000 đồng x 5% = 1.750.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T. Buộc ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Mỹ H có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T số tiền 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

- Về án phí: Ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.750.000 (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng (chưa nộp). Bà Trần Thị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 875.000 (tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004851 ngày 20 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Hồng Ý**